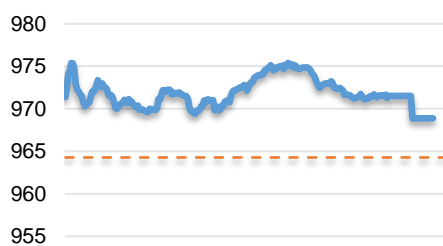


Diễn biến thị trường trong phiên

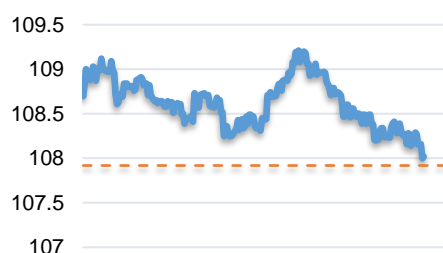
Rating	VNI	HNXI	UPCOM
Điểm	968.8	108.0	51.4
% ngày	0.48	0.09	0.17
% tuần	0.08	0.11	-0.17
% tháng	5.84	4.65	4.23
% năm	24.65	6.07	-5.77
GTGD (Tỷ đồng)			
Trong ngày	3,761.77	662.19	239.04
Hôm qua	3,814.25	832.50	304.95
TB 1 tháng	3,599.31	569.41	228.10
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	575.71	17.00	56.54
Bán	513.51	12.17	27.09
Giá trị ròng	62.20	4.83	29.45
Độ rộng TT			
Mã Tăng	131	76	98
Mã Giảm	133	66	84
Không Đổi	89	242	552
Chỉ số chính			
P/E	17.4x	10.1x	9.8x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,078	193	854
LS Cổ tức	1.86	2.50	4.03

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thanh khoản của thị trường trong phiên giao dịch cuối tuần chỉ ở mức thấp với giá trị khớp lệnh cả hai sàn đạt hơn 3,497.4 tỷ đồng. Chỉ số VN-Index kết phiên giao dịch tại 968.88 điểm, tăng 0.48%. Chỉ số HNX-Index có diễn biến kém tích cực hơn khi đà tăng suy yếu và đóng cửa gần tham chiếu, mốc 108.02 điểm, tăng nhẹ 0.09%.

Cụ thể, các cổ phiếu như HDB, KDC, MBB, PNJ, PVD, VNM, VPB, VRE... đều đồng loạt giảm và là nhân tố chính tạo áp lực lớn lên thị trường chung. Trong phiên giao dịch hôm nay, HDB giảm 2%, VPB giảm 1,9%, PNJ giảm sâu 2%.

Tính về điểm số, lúc đóng cửa chỉ còn VHM, VCB, GAS, BID là gồng gánh chỉ số nhiều nhất. Đứng 0.48% điểm tăng của chỉ số VN-Index là do 4 mã này đem lại. Ngoài ra sắc xanh vẫn còn duy trì khá tốt trên một vài mã trụ cột như BVH, FPT, VJC... và điều này giúp các chỉ số kết thúc phiên giao dịch với sắc xanh.

Khối ngoại trong phiên có những động thái tích cực trong phiên vừa qua khi quay lại mua ròng trên toàn thị trường. Và lượng mua ròng lớn tập trung ở các mã như VCB, SBT, VEA, HPG và BID.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng áp lực điều chỉnh sẽ còn diễn ra trong phiên đầu tuần tới và chỉ số VN-Index có thể sẽ biến động trong vùng giá 960 – 970 điểm trong 1 – 2 phiên đầu tuần giao dịch. Đồng thời, nhiều cổ phiếu có thể sẽ rơi vào trạng thái quá bán trọng ngắn hạn và dự kiến lực cầu bắt đáy sẽ tăng dần trong vài phiên tới ở các nhịp điều chỉnh. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu vẫn duy trì ở mức cao và giảm nhẹ so với tuần giao dịch trước, đặc biệt tâm lý nhà đầu tư chưa rõ ràng cho thấy rủi ro chưa tăng cao và các nhà đầu tư ngắn hạn có khả năng đang cơ cấu lại danh mục do ảnh hưởng bởi các yếu tố thế giới trong các phiên giao dịch gần đây.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số và vẫn giữ mức chốt lỗ ở mức 953.04 điểm của chỉ số VN-Index và 106.05 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiến hành cơ cấu lại danh mục và vẫn duy trì tỷ trọng cổ phiếu cao ở nhóm cổ phiếu Largecaps và Midcaps.

Theo đồ thị tuần, thị trường có thể sẽ điều chỉnh nhẹ trong tuần giao dịch tới và bước vào giai đoạn tích lũy. Đồng thời, rủi ro trung hạn đang có chiều hướng giảm dần và tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng nhẹ. Tuy nhiên, xu hướng trung hạn vẫn duy trì ở mức GIẢM với mức kháng cự của hệ thống ở mức 1021 điểm của chỉ số VN-Index và 115.39 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư trung hạn có thể tăng dần tỷ trọng cổ phiếu theo mức khuyến nghị nhằm thăm dò xu hướng, nhưng vị thế an toàn vẫn chưa nên mở vị thế mua mới.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 54% cổ phiếu/46% tiền mặt.

Tỷ trọng khuyến nghị trung hạn: 32% cổ phiếu 68% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	997.0	1044.0	915.0	895.0
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	112.5	121.0	96.5	92.0



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	16.45	GIẢM	GIẢM		17.39				19.88		
ACB	36.80	TĂNG	GIẢM	35.60	35.10	3.37%			41.80		
ACV	86.00	TĂNG	GIẢM	84.50	84.08	1.78%			95.72		
BFC	26.10	TĂNG	GIẢM	27.00	24.94	-3.33%			28.97		
BHN	83.00	GIẢM	GIẢM		89.19				109.05		
BID	31.10	TĂNG	GIẢM	25.80	27.87	20.54%			31.14		
BMP	52.80	GIẢM	GIẢM		56.39				63.44		
BSR	16.80	TĂNG	GIẢM	15.80	16.68	6.33%			19.99		
BVH	84.20	TĂNG	GIẢM	78.00	77.59	7.95%			91.06		
BWE	18.70	TĂNG	GIẢM	17.70	17.25	5.65%			19.20		
CEO	12.70	TĂNG	GIẢM	13.40	11.95	-5.22%			15.95		
CHP	23.20	GIẢM	TĂNG		23.64			23.50	22.03	-1.28%	
CSM	13.85	GIẢM	TĂNG		13.98			14.39	12.77	-3.75%	
CTD	153.50	TĂNG	TĂNG	149.50	147.78	2.68%		161.20	125.07	-4.78%	
CTG	26.00	TĂNG	GIẢM	24.00	23.92	8.33%			28.07		
CTI	31.70	TĂNG	GIẢM	30.50	28.39	3.93%			33.12		
CVT	24.65	TĂNG	GIẢM	25.85	23.93	-4.64%			29.58		
DCM	11.10	TĂNG	GIẢM	11.05	10.87	0.45%			11.62		
DGW	24.80	TĂNG	GIẢM	23.90	23.17	3.77%			26.51		
DHA	28.20	TĂNG	GIẢM	28.00	26.73	0.71%			28.49		
DHC	37.20	GIẢM	GIẢM		40.57				43.99		
DHG	99.50	GIẢM	TĂNG		106.20			114.49	95.93	-13.09%	
DPG	42.80	TĂNG	GIẢM	40.90	39.06	4.65%			50.13		
DPM	17.90	TĂNG	GIẢM	17.70	17.44	1.13%			18.72		
DPR	36.50	TĂNG	GIẢM	37.50	36.08	-2.67%			39.13		
DQC	27.50	GIẢM	GIẢM		29.44				33.18		
DRC	24.20	GIẢM	TĂNG		24.49			24.30	19.87	-0.41%	
DXG	27.15	TĂNG	GIẢM	23.75	26.14	14.32%			29.38		
ELC	9.00	GIẢM	GIẢM		9.43				10.93		
FCN	15.30	GIẢM	TĂNG		16.07			17.70	13.88	-13.56%	
FIT	4.05	GIẢM	GIẢM		4.38				5.21		
FMC	22.70	TĂNG	GIẢM	21.20	20.90	7.08%			23.95		
FPT	43.50	TĂNG	GIẢM	42.90	41.39	1.40%			45.46		
GAS	96.20	GIẢM	GIẢM		100.94				103.15		
GEX	30.10	GIẢM	TĂNG		30.17			30.10	29.53	0.00%	MUA
GIL	47.00	TĂNG	TĂNG	41.65	44.42	12.85%		34.90	40.42	34.67%	
GMD	25.40	TĂNG	GIẢM	25.40	25.09	0.00%			28.65		
GTN	10.85	GIẢM	TĂNG		11.71			11.20	9.83	-3.13%	



We Create Fortune

HAG	6.67	GIẢM	TĂNG		7.68			6.19	5.86	7.75%	
HAX	15.30	GIẢM	GIẢM		16.19				18.67		
HBC	22.10	TĂNG	GIẢM	22.95	21.33	-3.70%			27.24		
HDB	35.90	TĂNG	GIẢM	35.75	35.11	0.42%			42.35		
HNG	14.40	GIẢM	TĂNG		16.40			8.20	14.10	75.61%	
HPG	37.70	TĂNG	GIẢM	37.20	36.56	1.34%			42.50		
HSG	10.50	GIẢM	GIẢM		11.25				13.38		
HT1	11.90	TĂNG	GIẢM	11.75	11.54	1.28%			12.91		
HUT	5.20	GIẢM	GIẢM		5.48				6.72		
HVN	39.20	TĂNG	TĂNG	33.00	36.32	18.79%		39.20	39.08	0.00%	MUA
ITD	11.60	GIẢM	TĂNG		12.09			12.40	11.14	-6.45%	
KBC	12.15	TĂNG	GIẢM	12.10	11.63	0.41%			13.24		
KDH	29.10	GIẢM	GIẢM		30.32				33.70		
KSB	29.50	TĂNG	GIẢM	29.79	29.05	-0.97%			33.01		
LCG	9.59	TĂNG	GIẢM	9.46	9.30	1.37%			10.06		
LDG	13.65	GIẢM	GIẢM		14.76				15.06		
LIX	40.45	GIẢM	GIẢM		41.51				44.35		
LPB	9.40	GIẢM	GIẢM		10.16				11.99		
LSS	6.73	GIẢM	GIẢM		6.85				7.93		
MSN	89.60	TĂNG	GIẢM	79.10	87.46	13.27%			90.22		
MWG	118.10	TĂNG	TĂNG	112.00	111.51	5.45%		121.00	104.78	-2.40%	
NKG	13.40	GIẢM	GIẢM		14.20				17.00		
NLG	29.10	TĂNG	GIẢM	29.80	28.62	-2.35%			31.83		
NT2	26.40	GIẢM	GIẢM		27.32				28.69		
NTL	9.74	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-5.89%		10.45	8.94	-6.79%	
NTP	43.90	GIẢM	GIẢM		45.55				51.18		
PAC	38.30	GIẢM	GIẢM		40.04				42.18		
PC1	25.00	GIẢM	GIẢM		27.45				30.03		
PDR	25.50	GIẢM	GIẢM		26.14				29.12		
PGC	14.25	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-0.70%			15.68		
PHR	24.30	TĂNG	TĂNG	21.90	23.28	10.96%		24.00	19.56	1.25%	
PLX	64.20	TĂNG	GIẢM	60.50	61.57	6.12%			67.88		
PNJ	99.00	TĂNG	GIẢM	90.30	94.23	9.63%			102.31		
POW	13.20	TĂNG	GIẢM	13.00	12.91	1.54%			13.91		
PPC	18.00	TĂNG	GIẢM	18.50	17.71	-2.70%			19.21		
PTB	57.50	GIẢM	TĂNG		59.72			64.00	53.16	-10.16%	
PVD	14.00	GIẢM	TĂNG		16.00			16.35	11.75	-14.37%	
PVI	29.00	TĂNG	GIẢM	29.90	28.37	-3.01%			33.71		
PVS	19.00	TĂNG	TĂNG	17.00	18.87	11.76%		20.90	14.57	-9.09%	
PXS	5.50	GIẢM	TĂNG	5.00	5.62	12.33%	BÁN	6.19	4.57	-11.15%	
RAL	89.60	TĂNG	GIẢM	91.00	85.59	-1.54%			102.96		
REE	34.30	GIẢM	GIẢM		35.51				34.97		
SAB	213.00	TĂNG	GIẢM	208.00	200.43	2.40%			233.02		



We Create Fortune

SAM	6.82	GIẢM	GIẢM		7.12			7.59		
SBV	27.40	TĂNG	GIẢM	27.00	27.05	1.48%		29.26		
SCR	8.81	GIẢM	GIẢM		9.34			10.30		
SHI	6.02	GIẢM	TĂNG		6.35		6.99	5.88	-13.88%	
SJS	20.60	TĂNG	GIẢM	19.70	18.82	4.57%		21.87		
SKG	21.15	TĂNG	GIẢM	20.05	20.18	5.49%		21.27		
SSI	29.70	TĂNG	GIẢM	29.55	29.12	0.51%		34.19		
STB	11.20	TĂNG	GIẢM	11.20	11.04	0.00%		12.71		
SVC	44.00	GIẢM	GIẢM		46.14			49.74		
TCM	19.90	TĂNG	GIẢM	17.80	19.06	11.80%		20.79		
TDH	11.25	GIẢM	GIẢM		11.75			13.50		
TLH	7.30	GIẢM	GIẢM		7.50			8.37		
TMT	7.20	TĂNG	GIẢM	5.61	6.55	28.34%		7.28		
TNG	11.60	TĂNG	GIẢM	10.80	11.09	7.41%		11.90		
TYA	10.80	GIẢM	GIẢM		11.15			12.27		
VCB	62.00	TĂNG	GIẢM	57.50	59.68	7.83%		64.41		
VFG	36.45	GIẢM	TĂNG		38.77		34.39	33.47	5.98%	
VGC	16.50	GIẢM	GIẢM		17.82			21.50		
VHM	108.80	GIẢM	TĂNG		111.48					
VIB	28.70	TĂNG	GIẢM	27.60	27.19	3.99%		30.67		
VIC	102.30	GIẢM	TĂNG		107.45		111.50	92.44	-8.25%	
VIP	7.08	TĂNG	GIẢM	6.95	6.88	1.87%		7.29		
VJC	151.00	TĂNG	GIẢM	144.50	145.08	4.50%		154.12		
VNM	158.50	GIẢM	GIẢM		160.88			175.10		
VPB	26.00	GIẢM	GIẢM		28.17			33.19		
VRC	22.45	TĂNG	TĂNG	17.75	20.23	26.48%	19.35	16.29	16.02%	
VRE	39.85	TĂNG	GIẢM	40.40	39.51	-1.36%		44.98		
VSC	40.90	TĂNG	TĂNG	35.50	38.55	15.21%	35.30	33.86	15.86%	
VSH	17.80	TĂNG	TĂNG	17.20	17.49	3.49%	17.40	16.64	2.30%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)		
	Điểm	Chg%
VNI	968.88	0.48
VN30	949.23	(0.10)
VN Mid	991.18	(0.11)
VN Small	802.28	0.05

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	575.71	
Bán	513.51	
GT rỗng	62.20	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
OGC	150	6.7%
THI	2,500	6.3%
GEX	1,600	5.6%
SBT	750	4.3%
VNG	700	4.2%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TTF	(190)	-6.0%
PVD	(750)	-5.1%
PC1	(700)	-2.7%
HNG	(400)	-2.7%
DHG	(2,500)	-2.5%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	326,503	
VHM	291,542	
VNM	230,016	
VCB	223,062	
GAS	184,122	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
CTG	8.65	5.72
OGC	7.25	1.21
GEX	6.31	2.06
FLC	6.11	14.63
HAG	4.97	12.76

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)		
	Điểm	Chg%
HNI	108.02	0.09
HN30	191.59	(0.19)
VNX AllSh	1,357.07	0.01

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	17.00	
Bán	12.17	
GT rỗng	4.83	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DBC	1,500	6.3%
TNG	500	4.5%
NVB	200	2.6%
SLS	1,400	2.2%
L14	600	1.7%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VGC	(400)	-2.4%
TV2	(2,500)	-2.3%
VCG	(400)	-2.3%
MBS	(300)	-1.9%
PVS	(300)	-1.6%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	39,909	
VCS	13,520	
SHB	9,986	
PVS	8,487	
VCG	7,509	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SHB	6.72	6.44
PVS	3.77	6.01
ACB	3.16	5.04
MST	1.98	1.28
VGC	1.80	1.69

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%
UPCoM	51.47	0.16

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	56.54	
Bán	27.09	
GT rỗng	29.45	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCP	1,100	3.4%
MSR	500	1.9%
POW	200	1.5%
LTG	500	1.3%
VIB	300	1.1%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
OIL	(300)	-2.0%
ACV	(1,000)	-1.1%
VGT	(100)	-1.1%
QNS	(300)	-0.7%
DVN	(100)	-0.7%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	187,233	
BSR	52,088	
MCH	51,977	
HVN	48,989	
GVR	31,600	

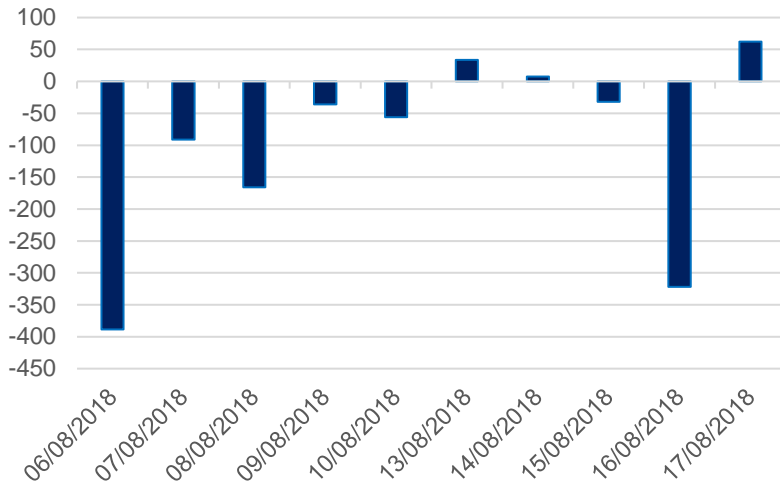
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SVH	7.98	0.27
LPB	1.13	2.27
BSR	0.96	1.75
HVN	0.90	0.67
ART	0.86	2.25

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

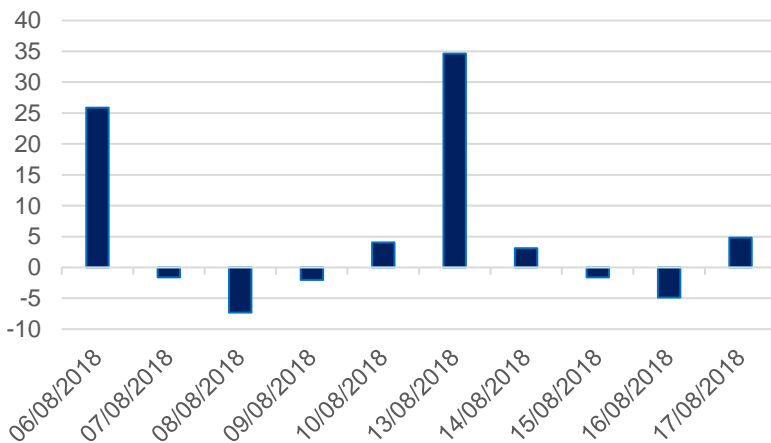
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)
VCB	49,548
SBT	35,193
HPG	28,136
BID	24,751
VJC	14,400
VHM	(40,938)
SSI	(37,270)
NVL	(12,675)
GEX	(8,554)
HDB	(8,540)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

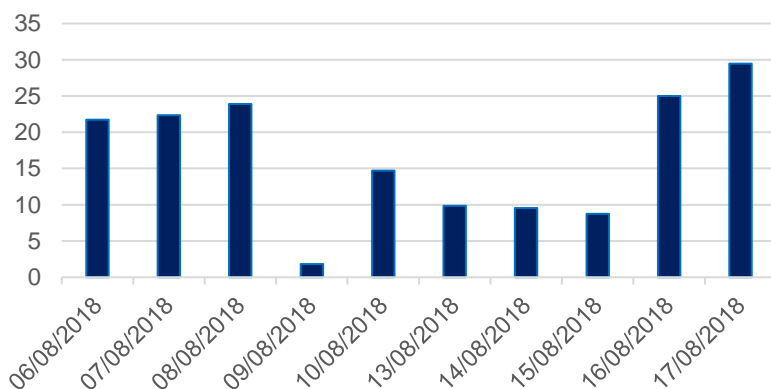
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
PVS	10,446	DBC	(2,366)
VCS	1,433	VGC	(1,532)
SHS	170	TNG	(1,354)
PIV	116	DGL	(858)
CEO	102	VNR	(653)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
VEA	33,065	BSR	(5,512)
POW	3,942	ACV	(4,319)
QNS	1,222	OIL	(1,442)
MSR	1,115	LPB	(1,072)
VPR	925	GVR	(474)

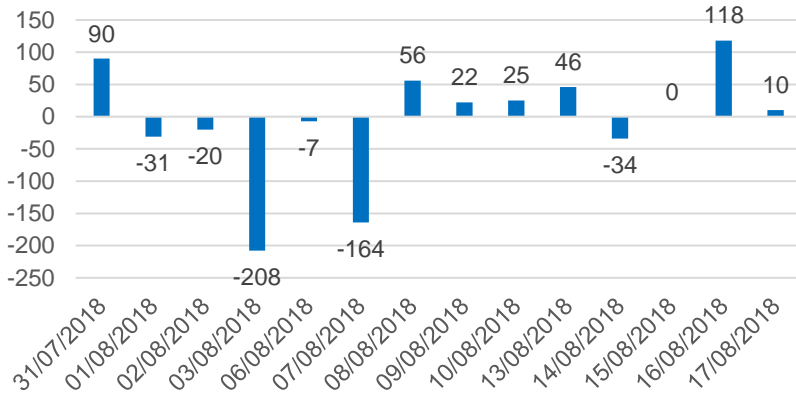
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

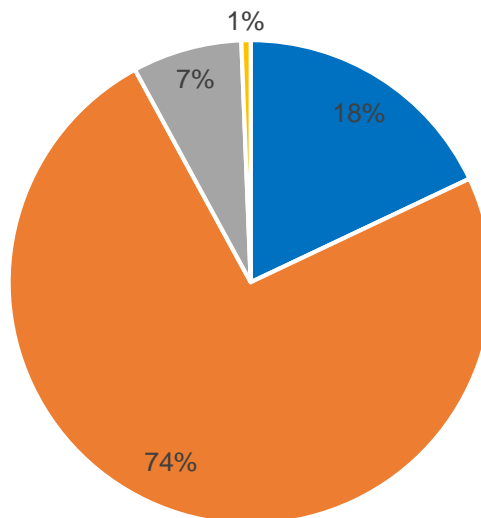


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VNĐ)
CAV	6,864	GEX	5,115
MBB	5,968	PNJ	4,223
THI	4,129	VIC	3,737
VIC	2,251	MWG	2,110
VPB	1,325	SAB	1,425

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



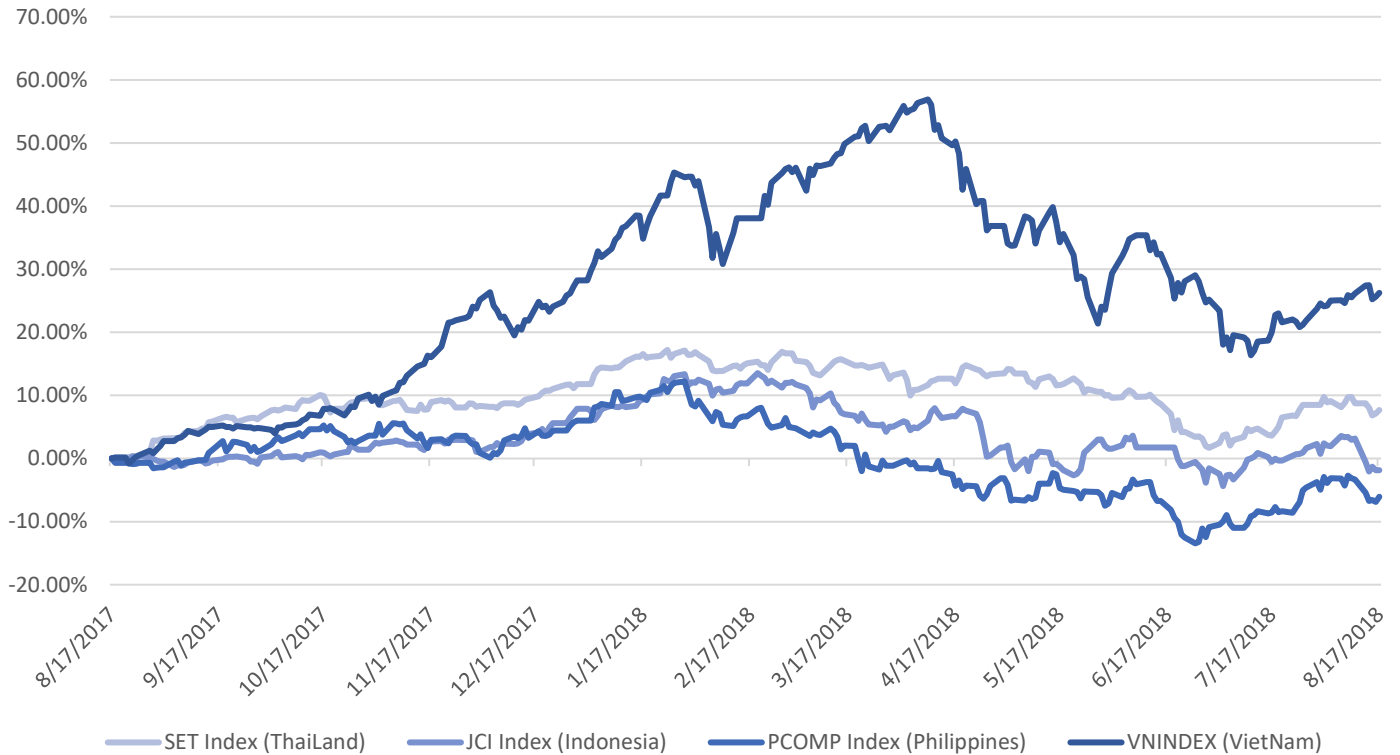
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức trong nước
- Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

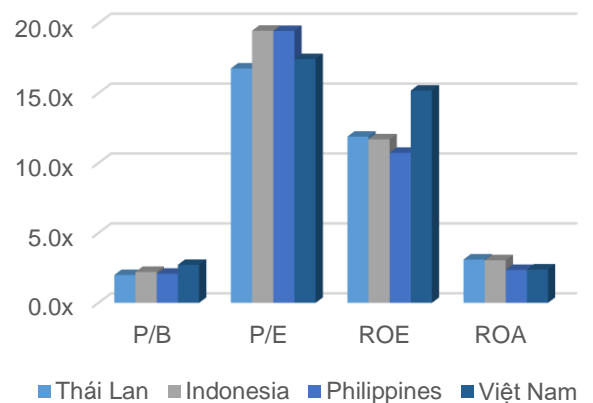
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.2x	2.1x	2.7x
P/E		16.8x	19.5x	19.4x	17.4x
ROE	%	11.89	11.70	10.74	15.19
ROA	%	3.10	3.05	2.36	2.39
Vốn hóa	Tỷ USD	510.41	447.70	175.40	132.08
GTGD	Triệu USD	1.56	0.36	0.05	0.16
LS cổ tức	%	3.07	2.35	1.65	1.86

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written